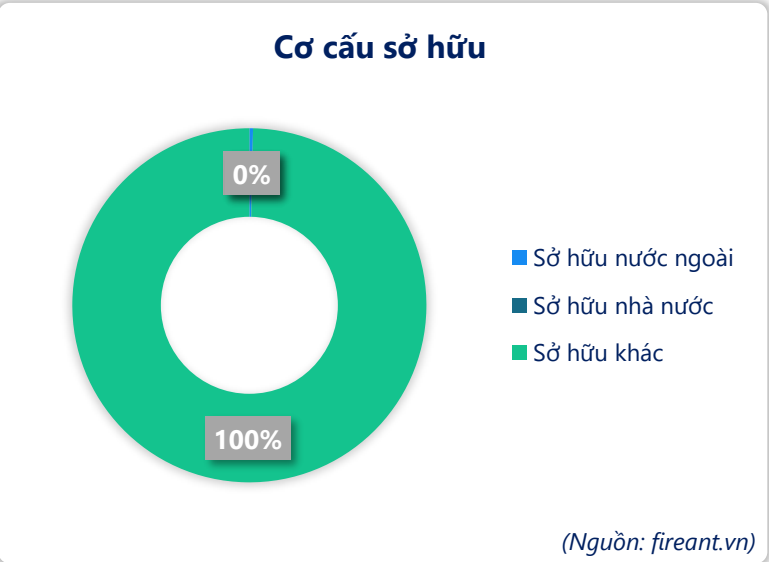
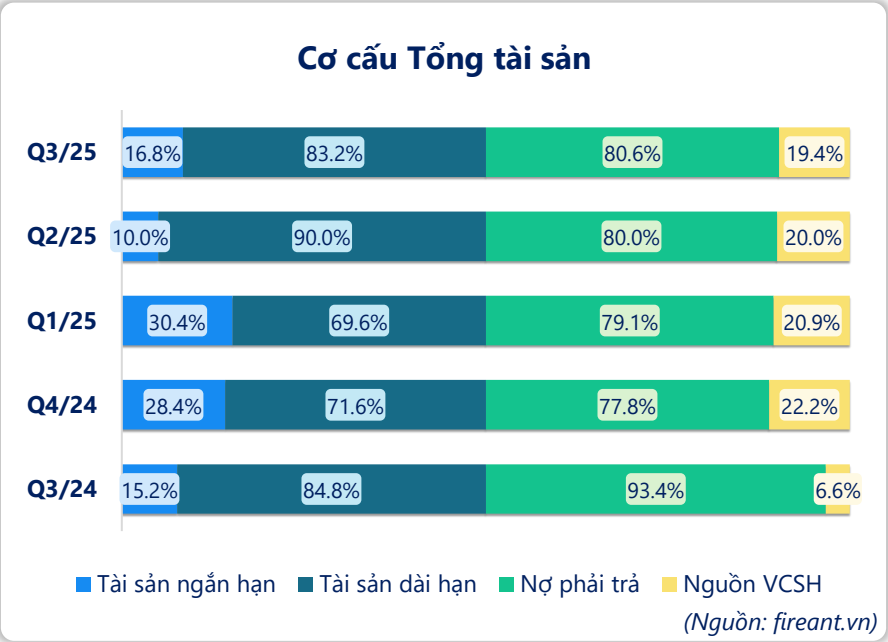
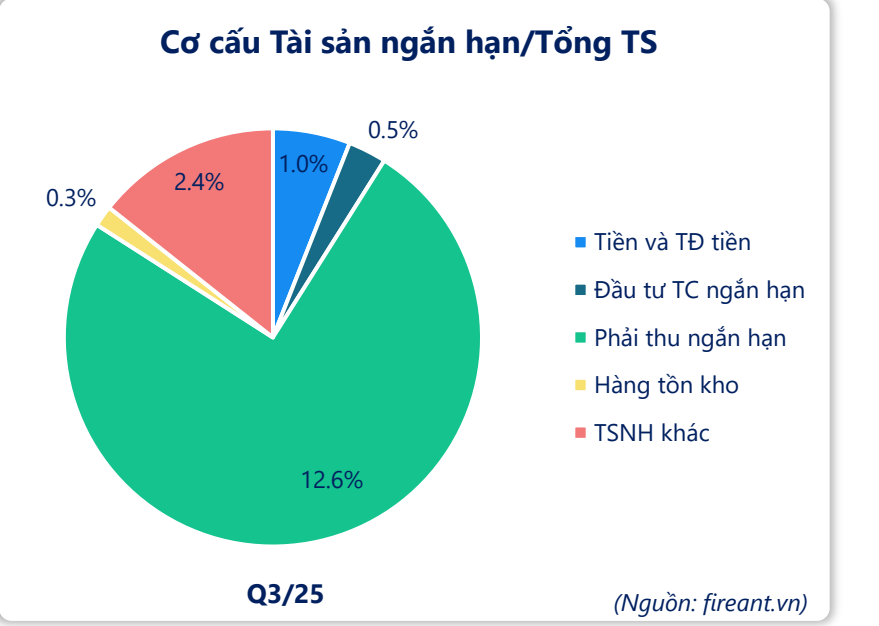
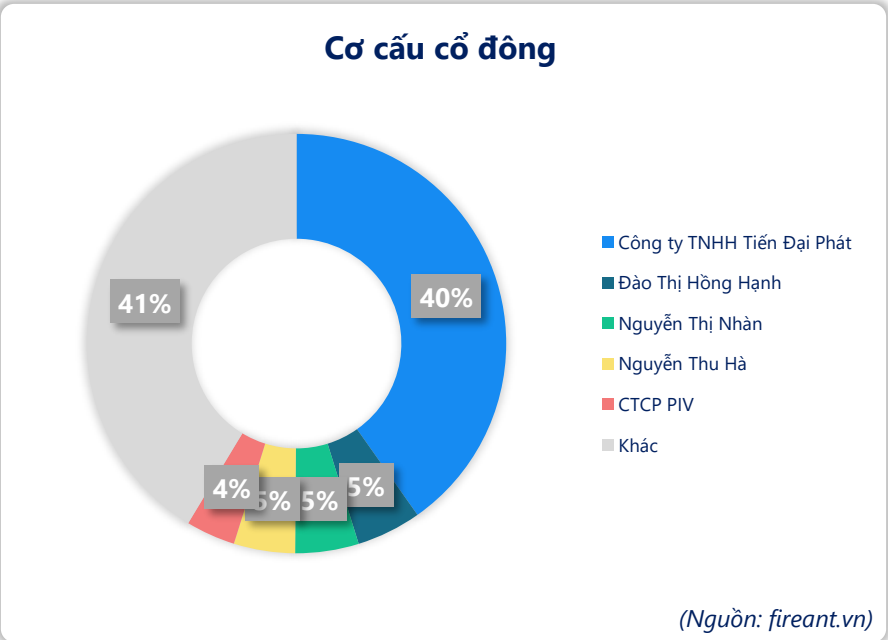
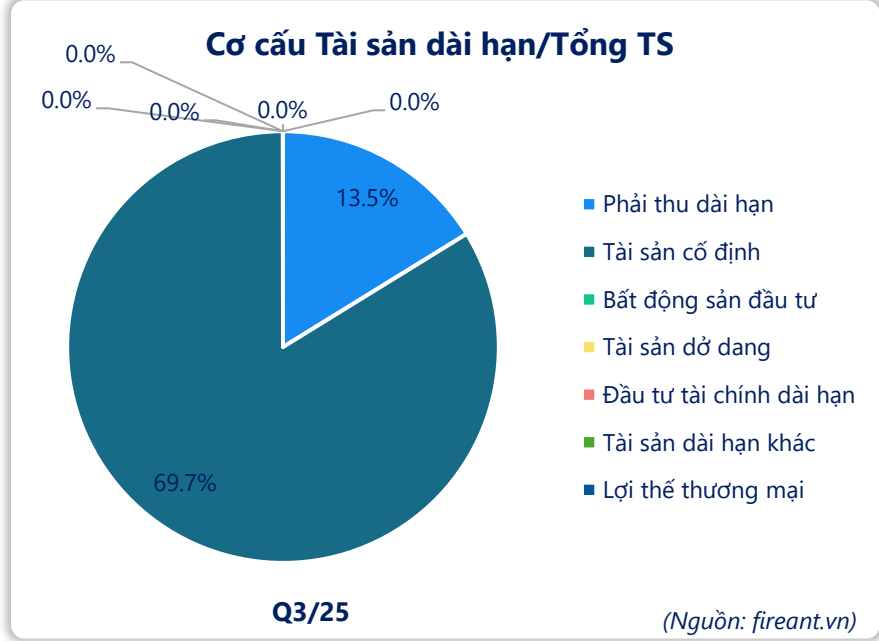


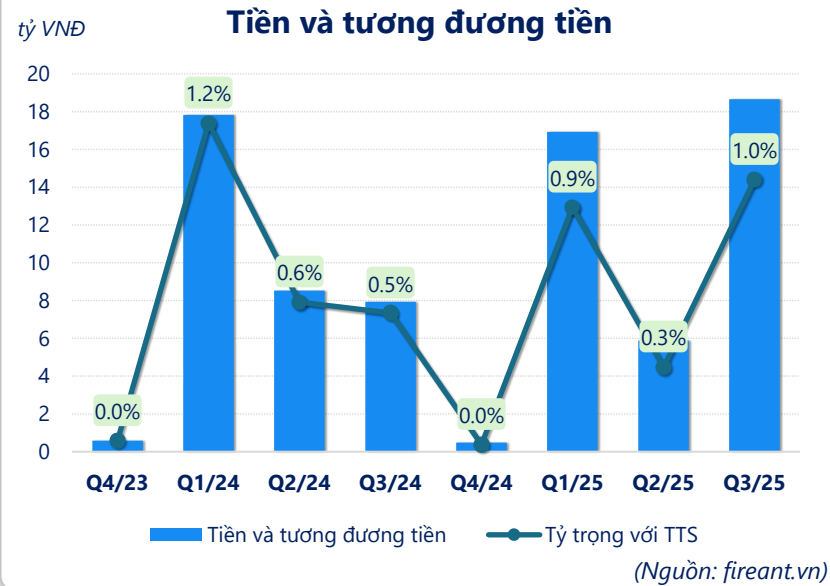
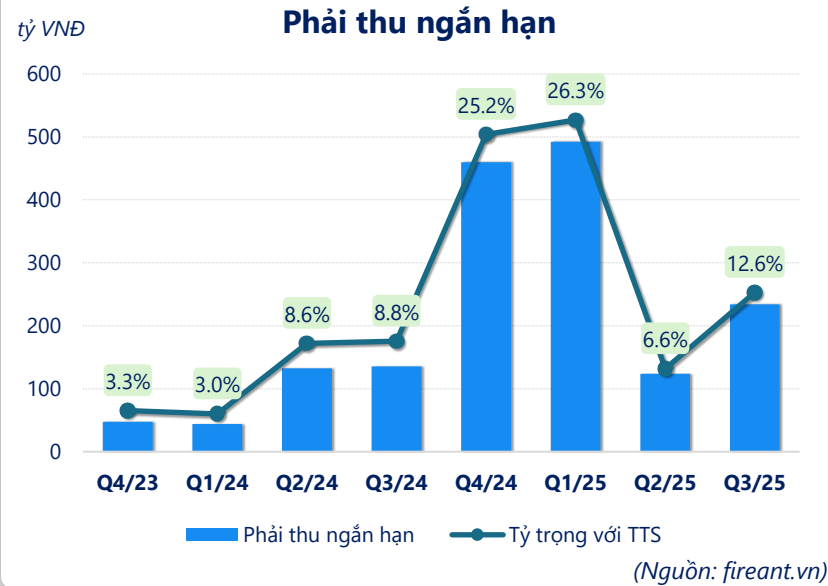
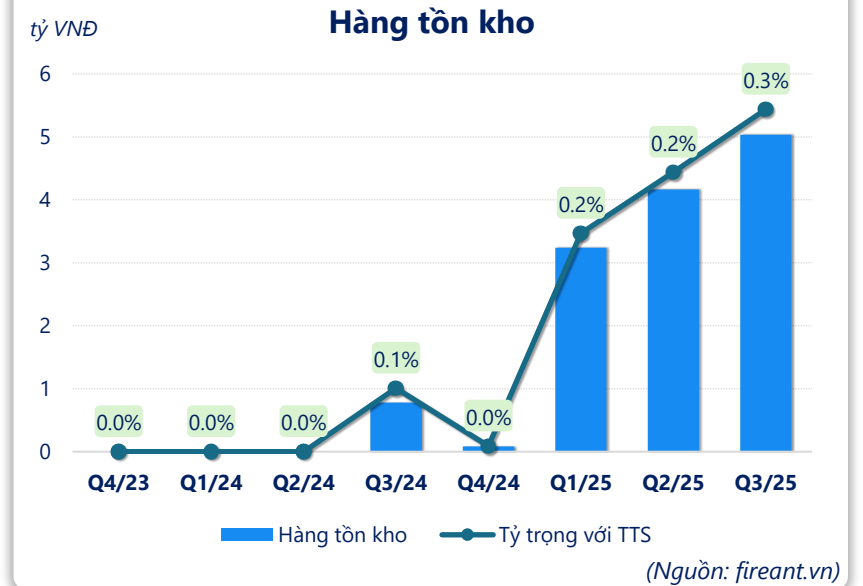
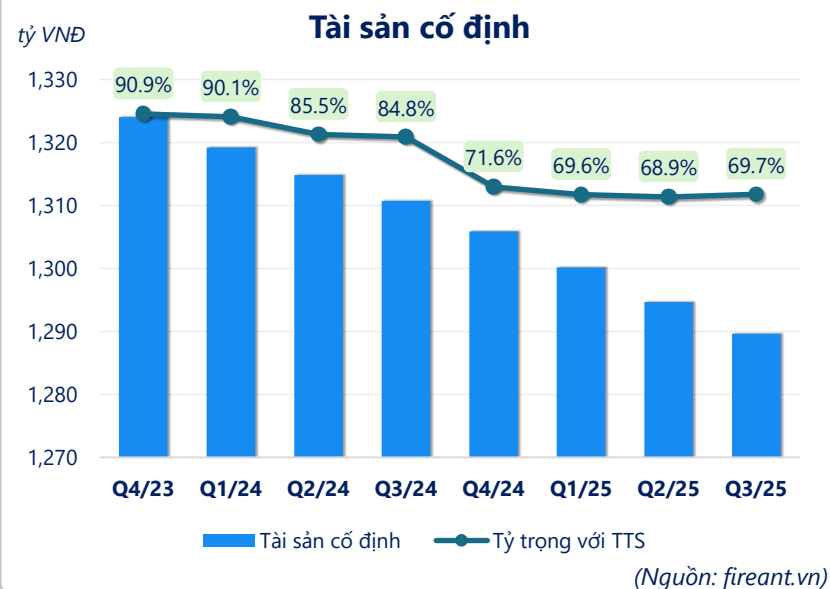
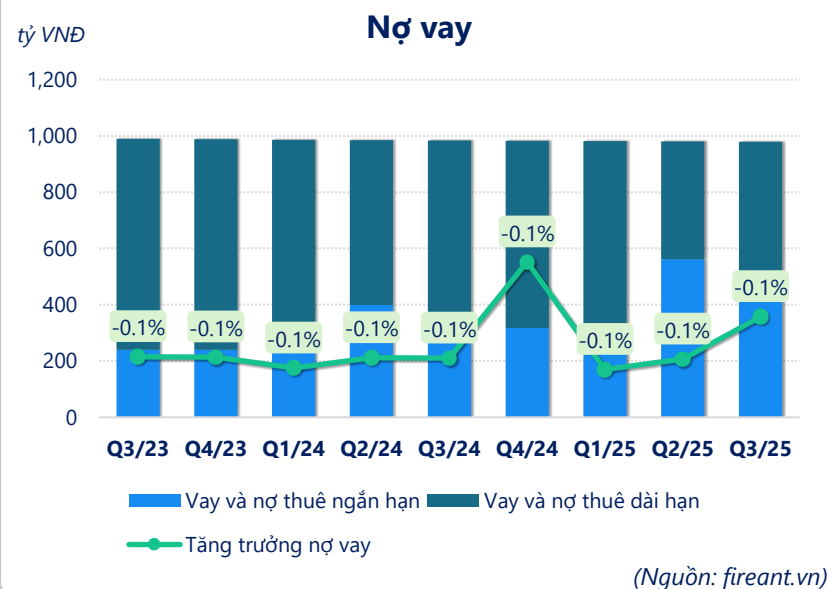
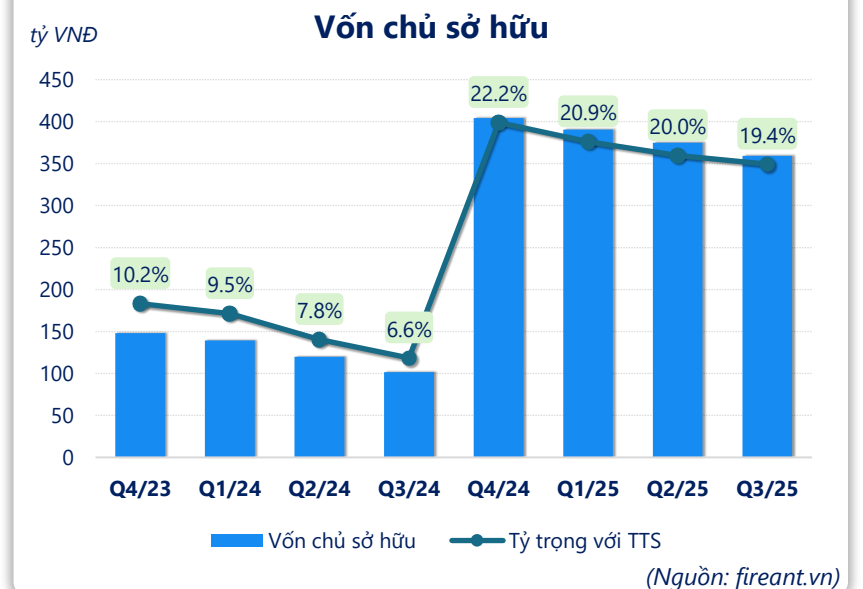
Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,200
SL cổ phiếu LH		59,246,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)		125,680
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		136
P/E		0.5
EPS		4,349

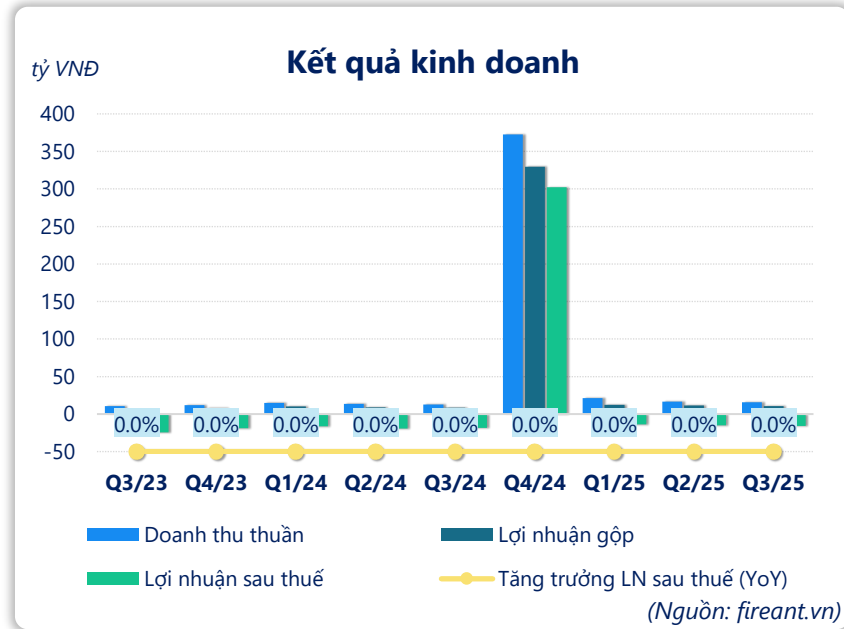
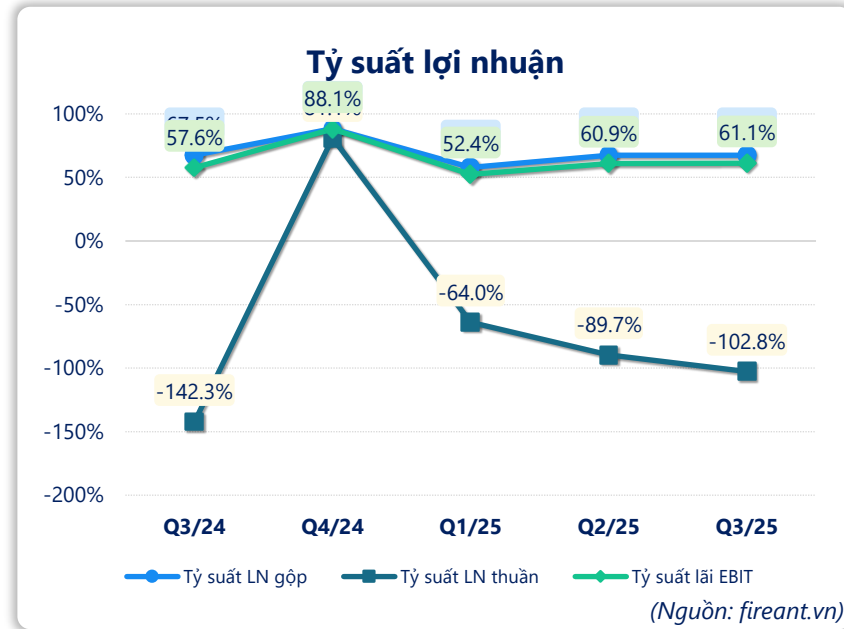
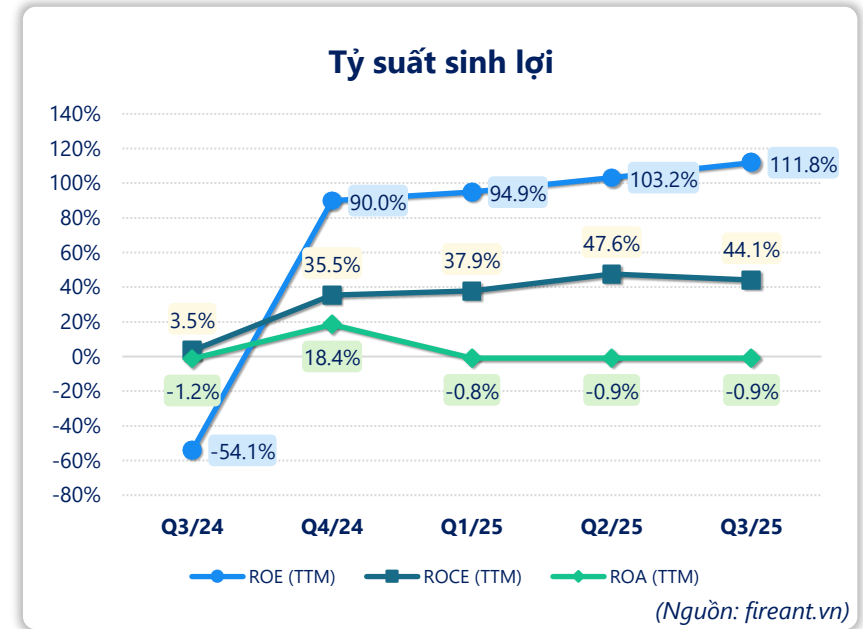
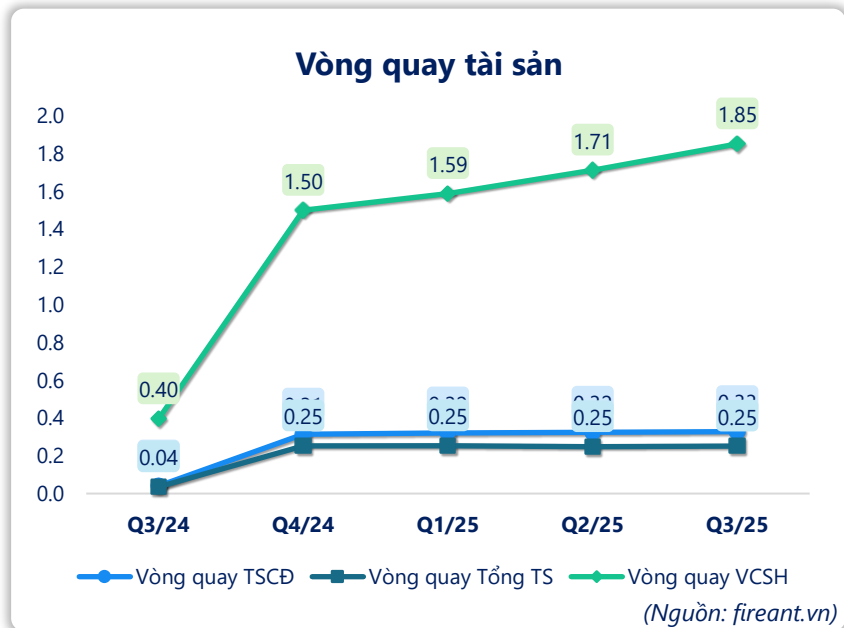
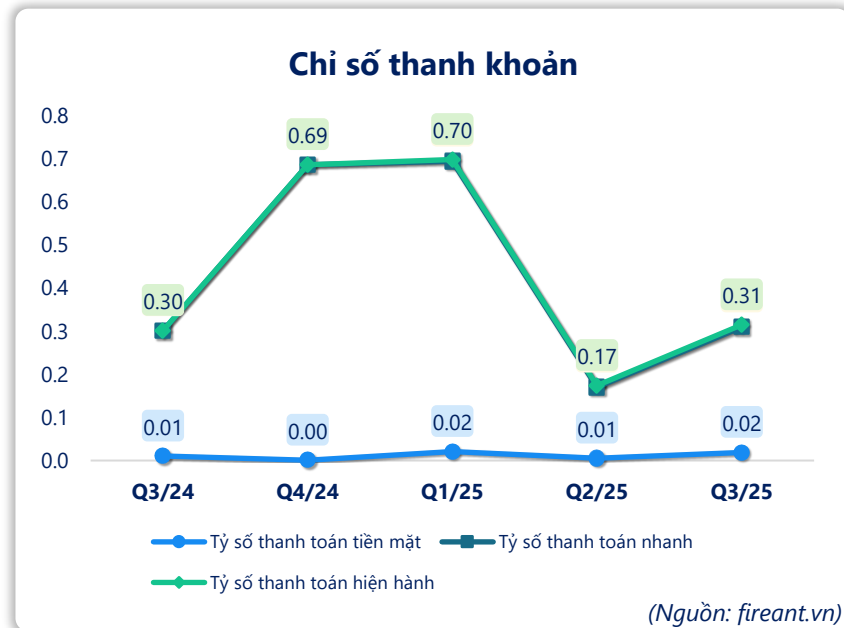
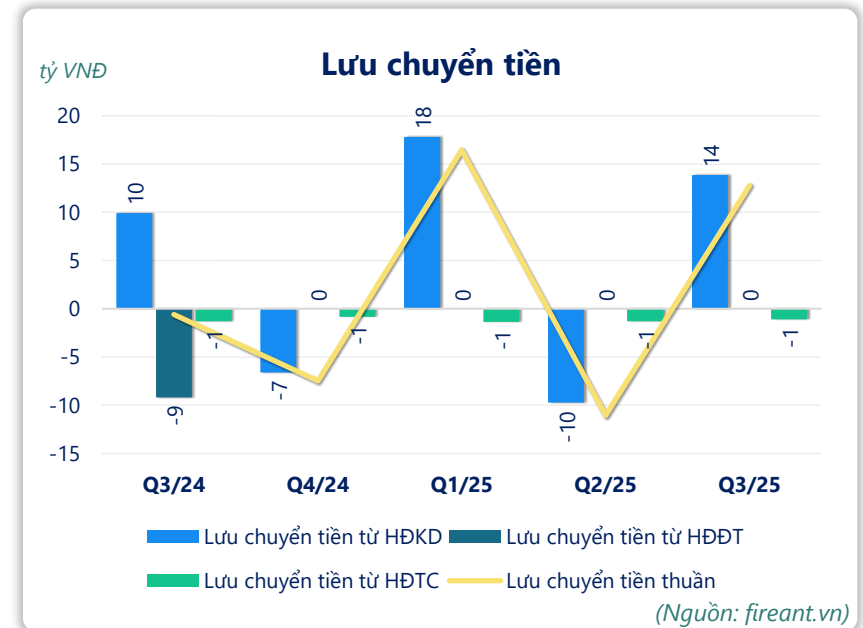
	YTD	1T	3T	6T
BOT	-14.8%	-4.2%	-11.5%	-61.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%



CTCP BOT Cầu Thái Hà (UPCOM: BOT)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,851	1,823	1.5%
Tài sản ngắn hạn	312	192	62.2%
Tiền và tương đương tiền	18.7	0.48	3779%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.20	9.20	0.0%
Phải thu ngắn hạn	234	134	74.4%
Hàng tồn kho	5.03	0.08	6108%
Tài sản ngắn hạn khác	44.6	48.1	-7.2%
Tài sản dài hạn	1,539	1,631	-5.6%
Phải thu dài hạn	250	325	-23.3%
Tài sản cố định	1,290	1,306	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.06	0.14	-52.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,492	1,420	5.1%
Nợ ngắn hạn	989	917	7.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	477	481	-0.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.6	31.0	-11.0%
Nợ dài hạn	502	502	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	502	502	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	359	404	-11.1%
Vốn chủ sở hữu	359	404	-11.1%
Vốn điều lệ	592	592	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	12.8	373	21.4	16.7	15.5
Giá vốn hàng bán	4.15	43.3	9.02	5.43	5.04
Lợi nhuận gộp	8.63	329	12.4	11.3	10.5
Doanh thu HĐTC	0.00	0.03	0.00	0.21	0.00
Chi phí TC	25.6	26.0	24.9	25.2	25.4
Chi phí lãi vay	25.6	26.0	24.9	25.2	25.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.26	1.21	1.18	1.32	0.99
LN thuần từ HĐKD	-18.2	302	-13.7	-15.0	-15.9
Lợi nhuận khác	0	0.00	0	0	0
LN trước thuế	-18.2	302	-13.7	-15.0	-15.9
Lợi nhuận sau thuế	-18.2	302	-13.7	-15.0	-15.9
LNST của CĐ cty mẹ	-18.2	302	-13.7	-15.0	-15.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.91	-6.61	17.8	-9.74	13.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.20	0.00	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.30	-0.85	-1.35	-1.30	-1.10
Tiền đầu kỳ	8.53	7.94	0.48	16.9	5.89
Lưu chuyển tiền thuần	-0.59	-7.46	16.5	-11.0	12.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.94	0.48	16.9	5.89	18.7

(Nguồn: fireant.vn)